

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CAO LÃNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG THÁP

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2023.

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình - xin ly hôn và nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Yến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Thị Diệp**

2. Bà **Nguyễn Thị Phụng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Vân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 20/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 512/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con*”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: **số E B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.**

- Bị đơn: Anh **Trần Minh N**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: **Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.**

(Chị **T** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **N** vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Hồng T** trình bày:*

Chị **T** và anh **N** kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện C** ngày 29/6/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được vài năm đầu khi chị **T** sinh con. Nhưng sau đó, anh **N** tự đi làm ăn, gia đình khuyên bảo nhưng anh **N** không nghe, rồi sau đó anh **N** làm ăn thua lỗ, nợ nần rất nhiều. Thời gian sau này,

anh **N** không biết quan tâm gia đình, vợ chồng cứ cãi thường xuyên nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện nay, vợ chồng chị **T** đã ly thân, anh **N** không chu cấp tiền nuôi con. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **T** yêu cầu được ly hôn với anh **N**.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên **Trần Nguyễn Hồng Đ**, sinh ngày 12/10/2017, hiện con chung đang sống với mẹ. Khi ly hôn, chị **T** yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh **Trần Minh N** đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh **N** không có văn bản ý kiến. Tòa án triệu tập anh **N** để tham gia phiên hòa giải và xét xử nhưng anh **N** vẫn không có mặt.

* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Căn cước công dân của chị **T** và sổ hộ khẩu (bản photo);
- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);
- 01 giấy khai sinh con chung (bản sao);
- Đơn xác nhận nơi cư trú của anh **N**; Đơn xin xét xử vắng mặt (bản chính).

Các tài liệu trong hồ sơ chị **T** đều thống nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị **Nguyễn Thị Hồng T** về việc yêu cầu được ly hôn với anh **Trần Minh N**, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn và nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại **xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Hồng T** có đơn đề nghị Tòa án xin xét xử vắng mặt vì lý do bận đi làm ăn xa, không sắp xếp được

thời gian tham gia phiên tòa. Bị đơn anh **Trần Minh N** đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **T** và anh **N**.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Chị **T** và anh **N** kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện C** ngày 29/6/2017 nên hôn nhân của chị **T** và anh **N** là hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được vài năm đầu khi chị **T** sinh con. Nhưng sau đó, anh **N** tự đi làm ăn, gia đình khuyên bảo nhưng anh **N** không nghe, rồi sau đó anh **N** làm ăn thua lỗ, nợ nần rất nhiều. Thời gian sau này, anh **N** không biết quan tâm gia đình, vợ chồng cứ cãi thường xuyên nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện nay, vợ chồng chị **T** đã ly thân, anh **N** không chu cấp tiền nuôi con. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **T** yêu cầu được ly hôn với anh **N**.

Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **T** và anh **N** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị **T** yêu cầu được ly hôn với anh **N** là phù hợp nên chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên **Trần Nguyễn Hồng Đ**, sinh ngày 12/10/2017, hiện con chung đang sống với mẹ. Khi ly hôn, chị **T** yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, con chung tên **Trần Nguyễn Hồng Đ**, sinh ngày 12/10/2017, hiện con chung đang sống với chị **T** nên để đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần cho cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận để chị **T** quyền tiếp tục nuôi con chung. Anh **N** không cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị **T** không yêu cầu.

Anh **Trần Minh N** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án và triệu tập xét xử họp lệ nhưng anh **N** vẫn không có mặt, không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không xem xét ý kiến của anh **N**.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị **T** phải nộp 300.000

đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị **T** đã nộp theo biên lai số 0014631 ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị **Nguyễn Thị Hồng T**.

- Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Hồng T** được ly hôn với anh **Trần Minh N**.

- Về con chung:

Chị **Nguyễn Thị Hồng T** được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên **Trần Nguyễn Hồng Đ**, sinh ngày 12/10/2017. Anh **N** không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị **T** không yêu cầu.

Anh **Trần Minh N** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Chị **T** phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị **T** đã nộp theo biên lai số 0014631 ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Chị **T** đã nộp xong án phí.

- Chị **Nguyễn Thị Hồng T** và anh **Trần Minh N** vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS HCL;
- UBND xã Tân Hội Trung;
- Lưu (Y).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Kim Yến